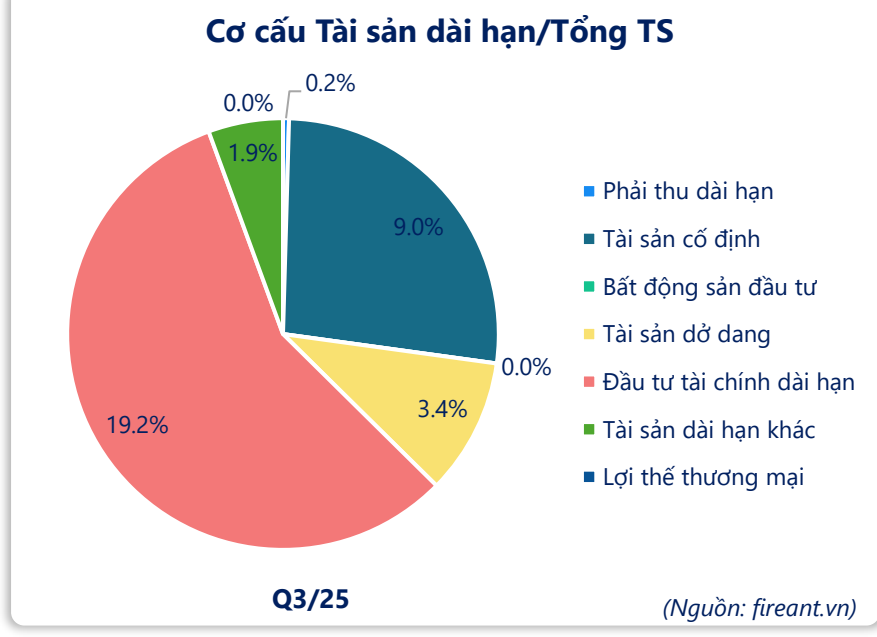
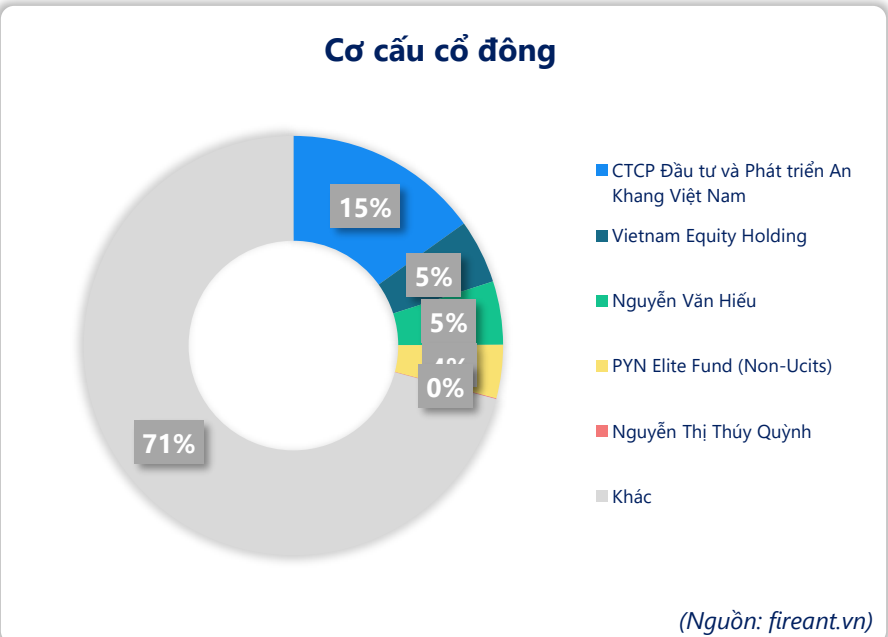
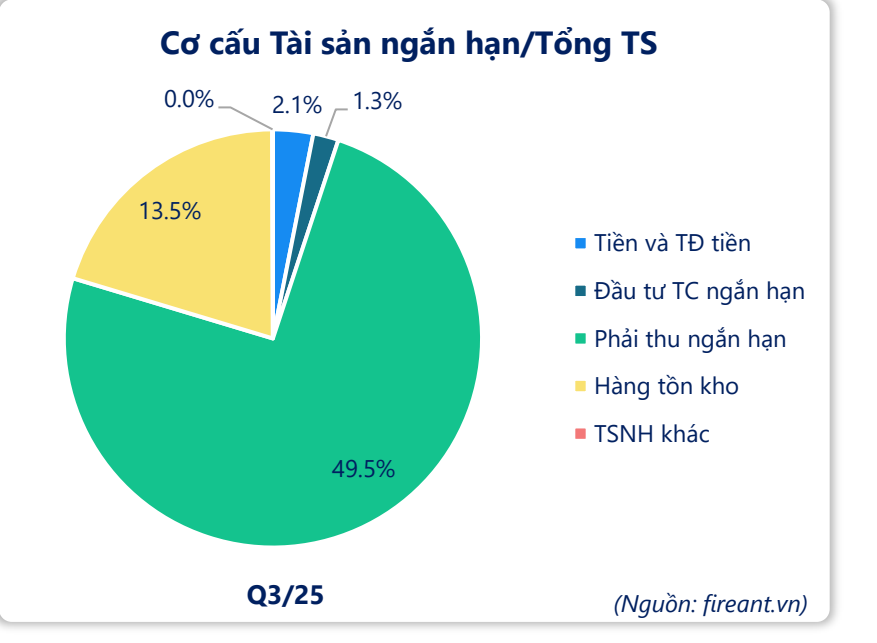
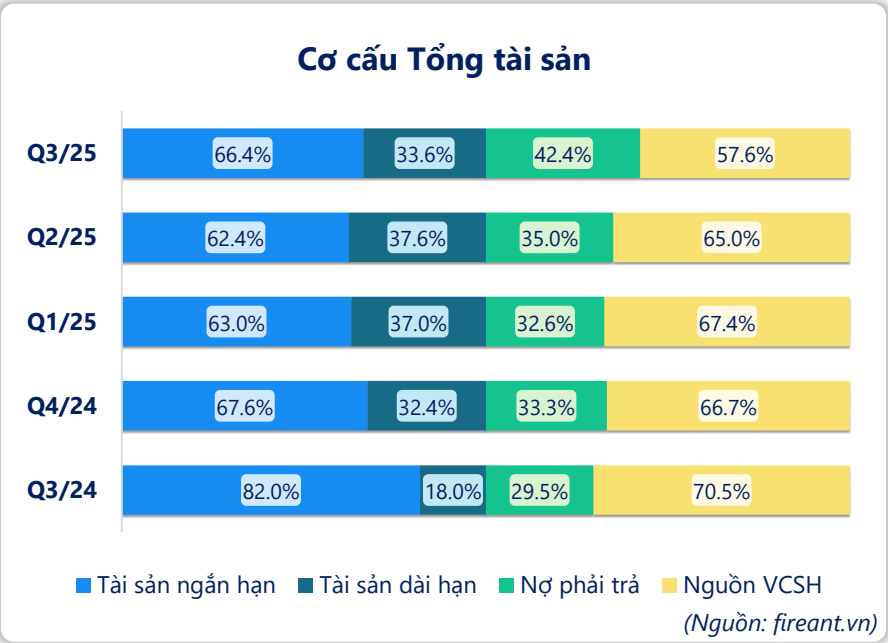
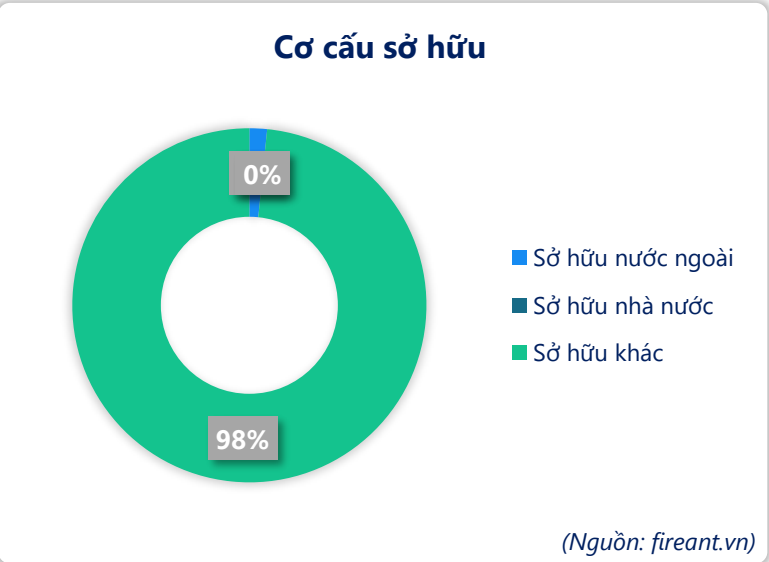
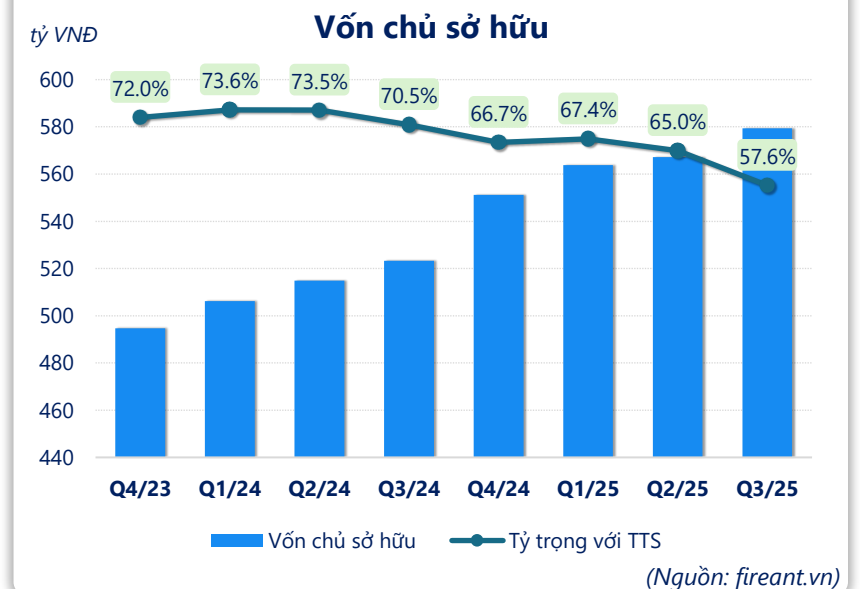
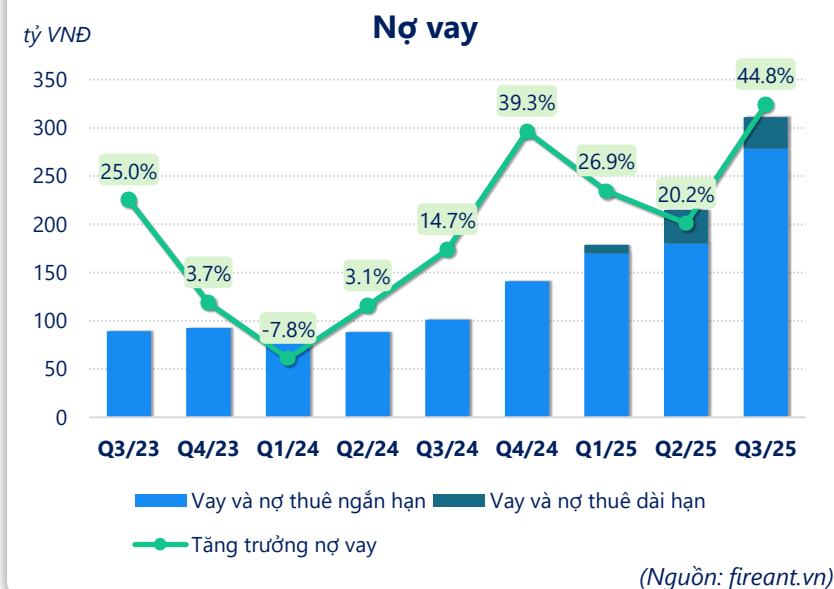
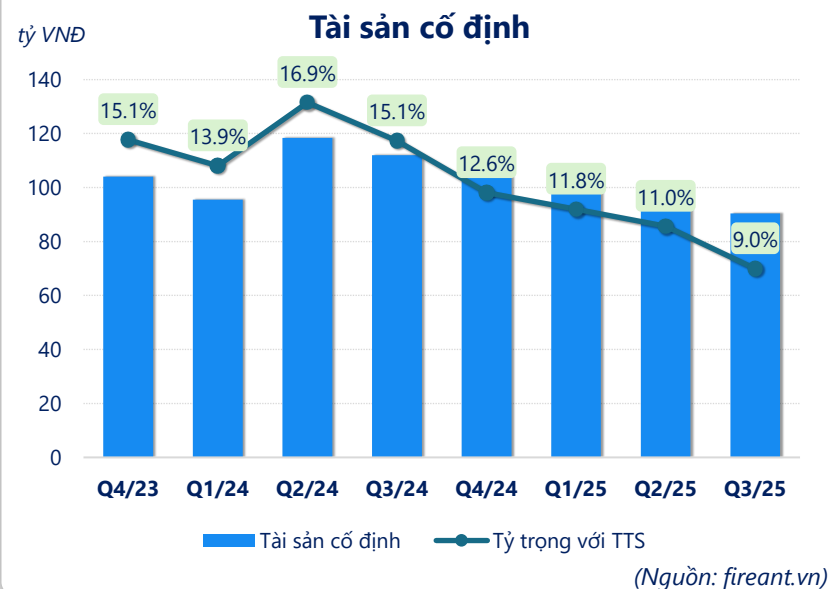
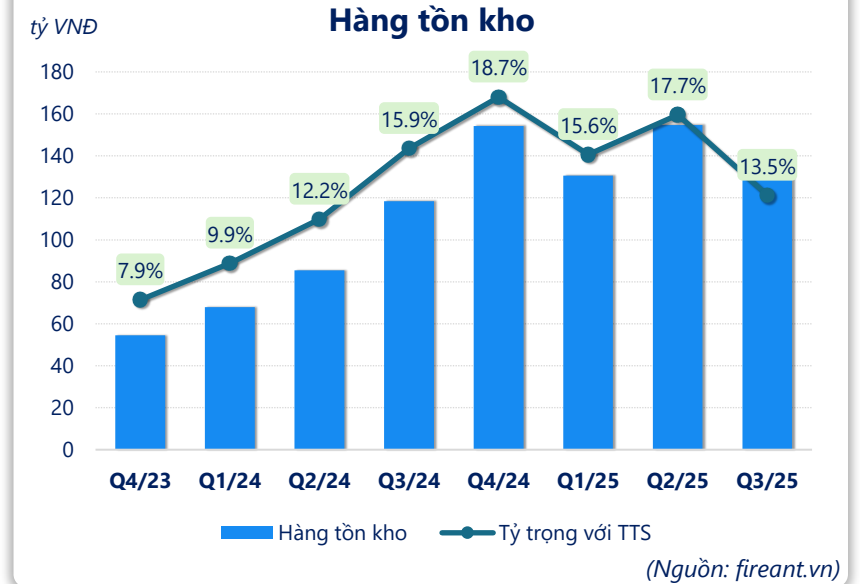
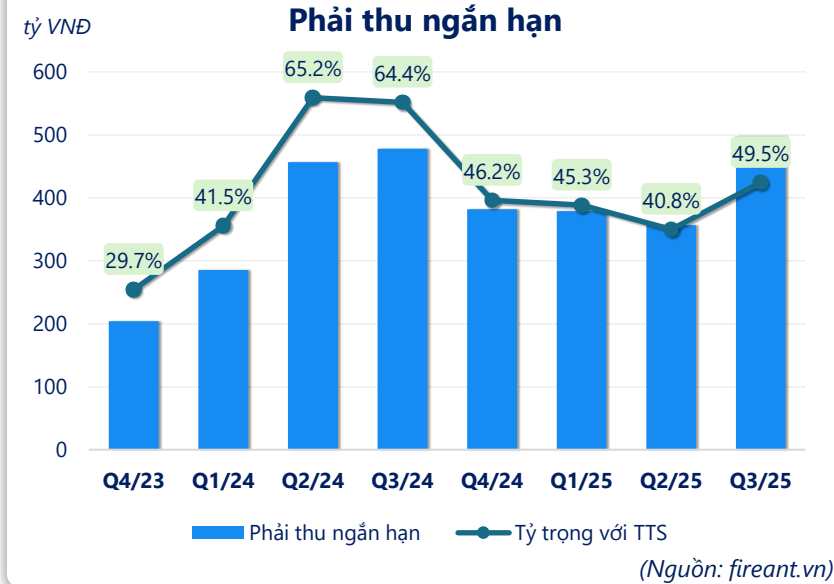
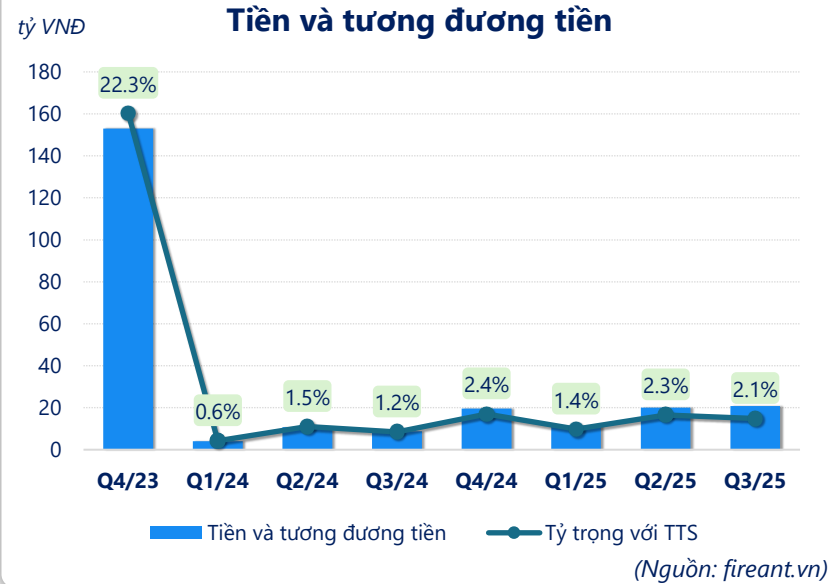
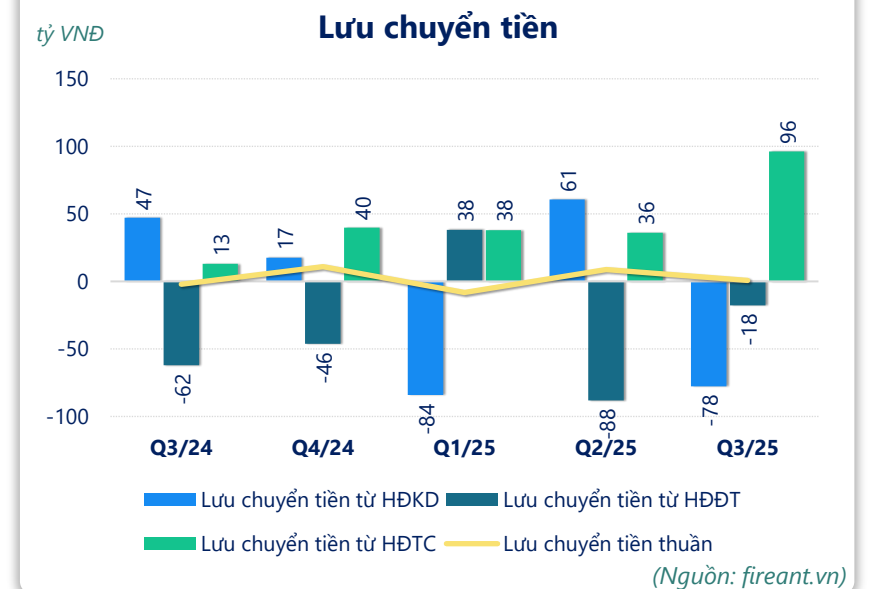
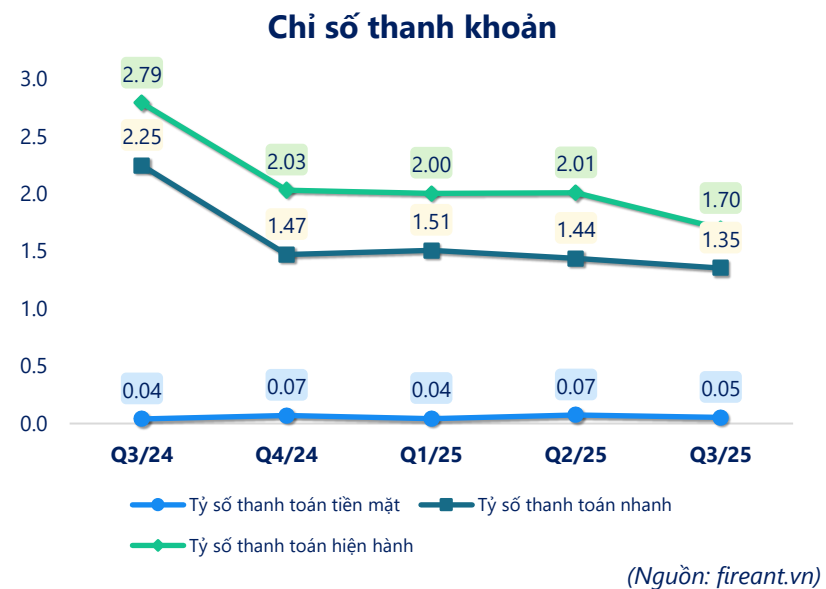
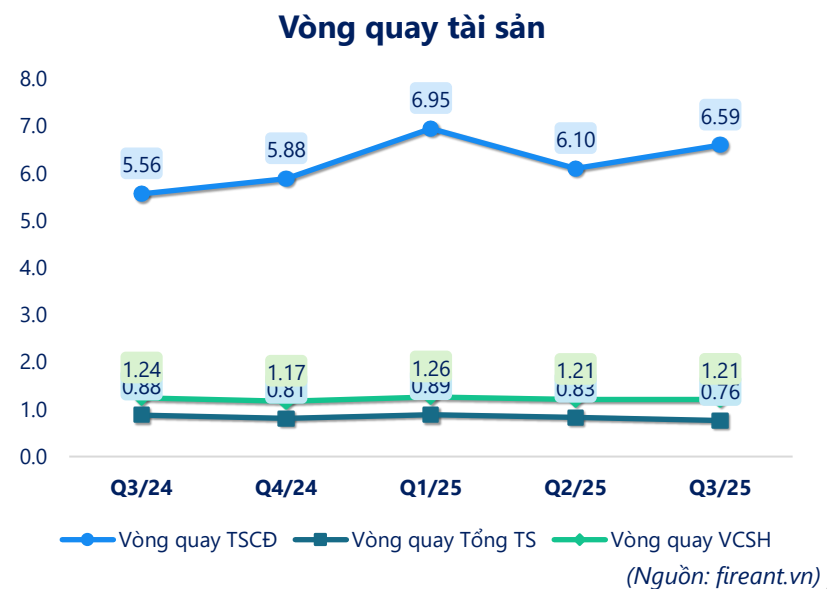
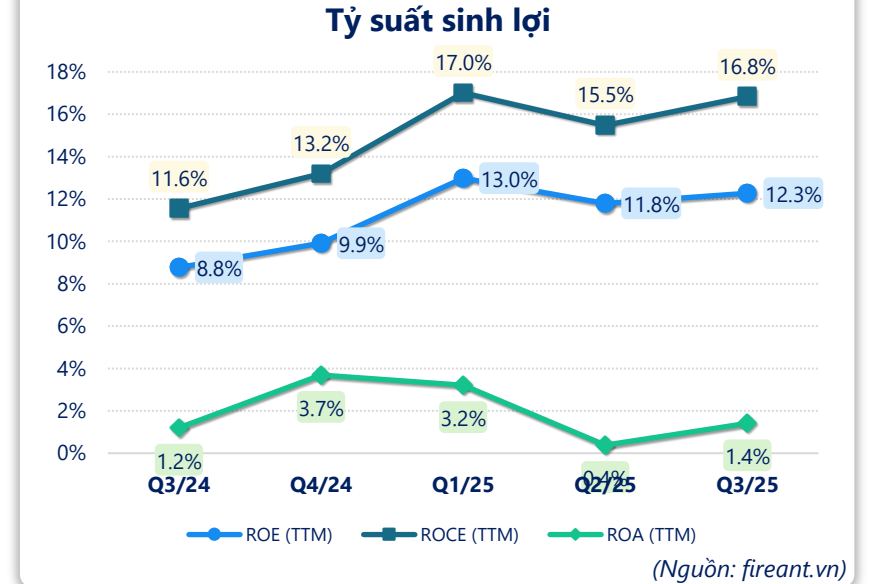
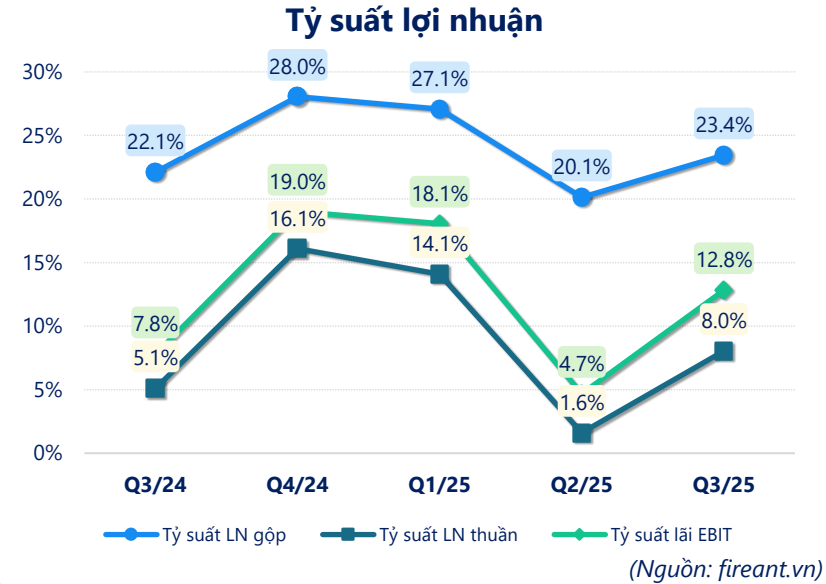
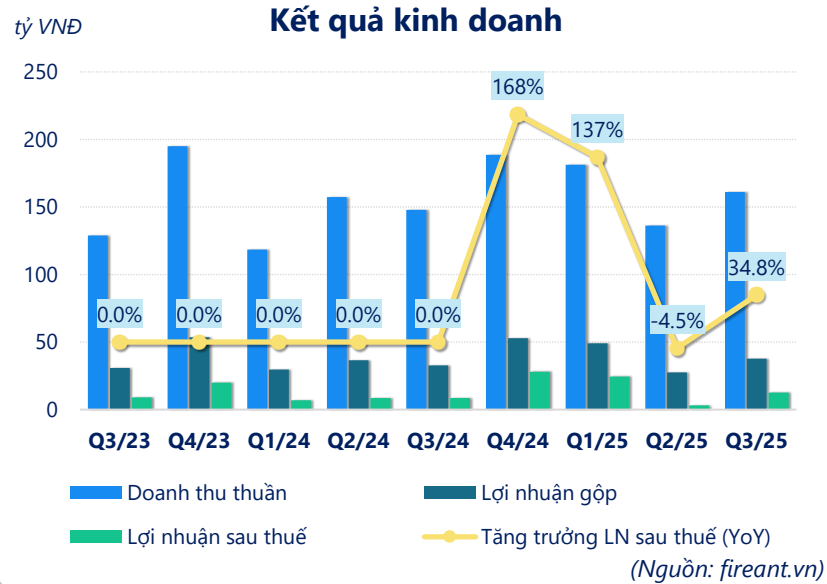


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,970
SL cổ phiếu LH		112,500,171
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,147,230
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		945
P/E		14.0
EPS		601

	YTD	1T	3T	6T
JVC	121.1%	46.1%	59.7%	63.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,006	828	21.5%
Tài sản ngắn hạn	668	562	18.7%
Tiền và tương đương tiền	20.7	19.6	5.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	0.18	7186%
Phải thu ngắn hạn	498	387	28.6%
Hàng tồn kho	135	153	-11.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	2.40	-83.8%
Tài sản dài hạn	338	266	27.2%
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	0.0%
Tài sản cố định	90.4	101	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.6	5.24	560%
Đầu tư tài chính dài hạn	193	140	37.7%
Tài sản dài hạn khác	18.9	17.8	6.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	288	47.9%
Nợ ngắn hạn	394	288	36.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	278	141	97.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.7	87.8	-42.3%
Nợ dài hạn	33.0	0.14	24327%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	579	540	7.4%
Vốn chủ sở hữu	579	540	7.4%
Vốn điều lệ	1,125	1,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	148	189	181	136	161
Giá vốn hàng bán	115	136	132	109	123
Lợi nhuận gộp	32.7	52.9	49.0	27.4	37.8
Doanh thu HĐTC	3.66	4.46	6.00	-1.63	0.59
Chi phí TC	1.96	1.61	2.91	3.83	4.99
Chi phí lãi vay	1.22	1.58	2.16	2.52	4.99
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.8	8.50	15.4	9.63	12.3
Chi phí QLDN	13.1	16.9	11.2	10.1	8.15
LN thuần từ HĐKD	7.56	30.4	25.5	2.19	13.0
Lợi nhuận khác	2.74	3.93	5.08	1.66	2.74
LN trước thuế	10.3	34.3	30.6	3.85	15.7
Lợi nhuận sau thuế	8.45	28.0	24.5	2.99	12.6
LNST của CĐ cty mẹ	8.44	27.9	24.4	3.01	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.1	17.4	-84.2	60.7	-77.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-62.1	-46.2	38.1	-88.1	-17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.0	39.7	37.9	36.1	96.3
Tiền đầu kỳ	10.7	8.69	19.6	11.4	20.1
Lưu chuyển tiền thuần	-2.03	10.9	-8.22	8.74	0.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.69	19.6	11.4	20.1	20.7

(Nguồn: fireant.vn)